

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI VĨNH BẢO
Địa chỉ: Cầu Lộ, huyện Vĩnh Lộc, TP Hải Phòng

MỤC LỤC

MỤC LỤC

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1-3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

1-3

BÁO CÁO ĐÓNG KẾ TOÁN

1-7

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1

THUYẾT MINH BẢNG

1-12

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VĨNH BẢO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

Ông Lê Minh Tân

Ban Giám Đốc

Ông Đỗ Trung Khánh

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hiếu

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm soát viên

Ông Lê Văn Vường

Bổ nhiệm ngày 02/02/2021

Ông Nguyễn Văn Thạnh

Miễn nhiệm ngày 02/02/2021

Kế toán trưởng

Ông Vũ Văn Lượng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC - Chi nhánh Hà Nội.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Minh Tân
Chủ tịch Công ty
Vĩnh Bảo, ngày 19 tháng 3 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIME GLOBAL

Số: 16 /2021/AACHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 19/03/2021, từ trang 6 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tồn quỹ và hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2020. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 6, Tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 04.3224 2403 / 04.6666 6369
Email: aac.hn@aac.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Hà Minh Long

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số

1221-2020-010-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC-CHI NHÁNH HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2021

Mai Bình Thanh

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số

2068-2020-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.995.677.693	5.503.576.109
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.494.764.853	4.443.963.679
1. Tiền	111		5.494.764.853	4.443.963.679
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		358.198.680	916.663.755
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	302.967.597	861.432.672
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	180.000.000	180.000.000
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	137		(124.768.917)	(124.768.917)
IV. Hàng tồn kho	140		142.423.175	142.948.675
1. Hàng tồn kho	141	7	142.423.175	142.948.675
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		290.985	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10.b	290.985	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		311.182.456.595	283.847.705.666
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		311.124.824.095	283.652.583.366
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	311.124.824.095	283.652.583.366
- Nguyên giá	222		331.760.650.662	304.376.043.662
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.635.826.567)	(20.723.460.296)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		57.632.500	195.122.300
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	57.632.500	195.122.300
TỔNG TÀI SẢN	270		317.178.134.288	289.351.281.775

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.633.395.143	1.127.787.585
I. Nợ ngắn hạn	310		1.633.395.143	1.127.787.585
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10.a	63.483.310	82.916.046
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		374.915	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.569.536.918	1.044.871.539
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		315.544.739.145	288.223.494.190
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	293.053.040.145	288.223.494.190
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		292.870.541.911	288.042.213.111
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		182.498.234	181.281.079
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		182.498.234	181.281.079
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		22.491.699.000	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		22.491.699.000	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		317.178.134.288	289.351.281.775



Lê Minh Tân
Chủ tịch Công ty
Vĩnh Bảo, ngày 19 tháng 3 năm 2021

Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12	32.169.504.180	32.971.533.980
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		32.169.504.180	32.971.533.980
4. Giá vốn hàng bán	11	13	26.547.086.984	27.945.796.496
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.622.417.196	5.025.737.484
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	114.375.403	251.007.407
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	15	5.580.039.750	5.055.899.365
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		156.752.849	220.845.526
11. Thu nhập khác	31	16	55.454.400	13.454.600
12. Chi phí khác	32	17	-	7.698.777
13. Lợi nhuận khác	40		55.454.400	5.755.823
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		212.207.249	226.601.349
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	29.709.015	45.320.270
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		182.498.234	181.281.079



Lê Minh Tân
Chủ tịch Công ty
Vĩnh Bảo, ngày 19 tháng 3 năm 2021

Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	32.727.969.255	33.050.352.120
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(12.030.316.907)	(13.784.611.158)
Tiền chi trả cho người lao động	3	(16.379.472.500)	(15.315.979.100)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(58.579.737)	(47.770.930)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	9.164.267.625	5.573.860.980
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(7.193.967.165)	(9.736.114.923)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.229.900.571	(260.263.011)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.351.111.000)	(10.391.753.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	57.636.200	108.721.800
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	114.375.403	251.007.407
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.179.099.397)	(10.032.023.793)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	10.391.753.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	10.391.753.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.050.801.174	99.466.196
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.443.963.679	4.344.497.483
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.494.764.853	4.443.963.679



Lê Minh Tân
Chủ tịch Công ty
Vĩnh Bảo, ngày 19 tháng 3 năm 2021

Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo theo Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 06/07/2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200110909 ngày 09/07/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 08/11/2018.

Chủ sở hữu của Công ty là UBND Thành phố Hải Phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 12/256 khu phố Đông Thái, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 248.000.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tám tỷ đồng). Vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2020 là 292.870.541.911 đồng (Hai trăm chín mươi hai tỷ, tám trăm bảy mươi triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, chín trăm mười một đồng)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Sửa chữa, tu bổ công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Vận hành hệ thống công trình thủy lợi, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, các thành phần kinh tế khác và đời sống dân sinh;
- Bán buôn máy móc, nông cụ, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy lợi;
- Bán lẻ máy, nông cụ, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, thủy lợi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất, dịch vụ nước sạch phục vụ sinh hoạt và các nhu cầu sản xuất trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo;
- Tư vấn lập thiết kế kết cấu các công trình thủy lợi, giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác, xây dựng các công trình trong hệ thống; quản lý vốn và thủy lợi phí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được trình bày theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Đối với các công trình nạo vét kênh, sửa chữa nâng cấp công theo Quyết định giao của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hải Phòng bằng nguồn ngân sách không bao gồm nguồn cấp bù miễn thủy lợi phí, khi hoàn thành được Sở Tài chính thẩm định, sẽ ghi nhận doanh thu và giá vốn, đồng thời ghi nhận tăng nguyên giá đối với các dự án sửa chữa nâng cấp kênh cống theo chi phí đã tập hợp và tăng nguồn vốn góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 40
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	10

Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/08/2018 của Bộ Tài chính, theo đó, một số tài sản cố định thuộc các loại sau không phải trích khấu hao:

- Tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước;
- Tài sản là máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, tài sản được xây đắp bằng đất, xây đúc bằng bê tông của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước (như hồ, đập, kênh, mương...);
- Máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

3.5 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo số tiền thanh toán thực tế cho bên nhà thầu. Chi phí này bao gồm giá mua, chi phí mua đang tập hợp, chi phí lắp đặt chạy thử, chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng, chi phí chung của ban quản lý và chi phí đi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu là giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 2 năm.

3.7 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm tài chính, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.7 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm doanh thu từ thủy lợi phí, doanh thu từ hoạt động sửa chữa, tu bổ, nạo vét kênh mương... phục vụ mục đích thủy lợi được cấp từ nguồn ngân sách.

Doanh thu từ hoạt động xây dựng, nạo vét kênh mương, tưới tiêu theo đơn đặt hàng của Sở Tài chính thành phố Hải Phòng, được ghi nhận dựa trên nguồn vốn ngân sách mà Sở Tài chính thực cấp về hàng năm.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

3.8 GHI NHẬN GIÁ VỐN

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Các khoản tổn thất hoặc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có khả năng thu hồi trong tương lai được xem xét ghi nhận giá vốn hàng bán của kỳ phát sinh nghiệp vụ.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

3.9 THUẾ**Thuế Giá trị gia tăng**

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ. Hoạt động tưới tiêu, nạo vét kênh mương nội đồng không chịu thuế GTGT;

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp của Công ty là 5% (không bao gồm hoạt động nạo, vét kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp từ nguồn thủy lợi phí).

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động khác của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế là 20%. Các khoản thu nhập phát sinh từ dịch vụ tưới, tiêu nước, nạo vét kênh, mương nội đồng không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2020, Thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty được giảm 30% theo Nghị quyết 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 do Quốc hội ban hành về Giảm thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác; Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết về Nghị quyết 116/2020/QH14.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.10 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	172.819.473	437.706.673
Tiền gửi ngân hàng	5.321.945.380	4.006.257.006
Cộng	<u>5.494.764.853</u>	<u>4.443.963.679</u>

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	302.967.597	861.432.672
- Xã Trần Dương - Thủy lợi phí	89.797.917	89.797.917
- Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng	-	599.752.755
- Ban quản lý dự án xây dựng huyện Vĩnh Bảo	134.618.000	134.618.000
- Công ty TNHH Đầu tư SX phát triển NN Vineco	41.287.680	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	37.264.000	37.264.000

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Viện Kinh tế và Quản lý Thủy lợi	180.000.000	180.000.000
Cộng	<u>180.000.000</u>	<u>180.000.000</u>

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI VĨNH BẢO

Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	142.423.175	-	142.948.675	-
Cộng	142.423.175	-	142.948.675	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Dài hạn	57.632.500	195.122.300
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	57.632.500	195.122.300
Cộng	57.632.500	195.122.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2020	270.324.032.666	33.545.698.696	426.944.000	79.368.300	304.376.043.662
- Tăng trong năm	26.899.380.000	826.227.000	-	-	27.725.607.000
- Thanh lý tài sản	(341.000.000)	-	-	-	(341.000.000)
31/12/2020	296.882.412.666	34.371.925.696	426.944.000	79.368.300	331.760.650.662
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2020	15.492.394.893	4.724.753.103	426.944.000	79.368.300	20.723.460.296
- Khấu hao trong năm	31.716.271	-	-	-	31.716.271
- Thanh lý tài sản	(119.350.000)	-	-	-	(119.350.000)
31/12/2020	15.404.761.164	4.724.753.103	426.944.000	79.368.300	20.635.826.567
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2020	254.831.637.773	28.820.945.593	-	-	283.652.583.366
31/12/2020	281.477.651.502	29.647.172.593	-	-	311.124.824.095

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 506.312.300 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a) Thuế và các khoản phải nộp

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế tài nguyên
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Cộng

	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
	25.013.469	141.424.625	134.936.244	31.501.850
	28.579.737	29.709.015	58.288.752	-
	15.099.660	35.230.185	33.651.785	16.678.060
	14.223.180	60.293.700	59.213.480	15.303.400
	-	207.633.000	207.633.000	-
	-	4.943.000	4.943.000	-
	82.916.046	479.233.525	498.666.261	63.483.310
	01/01/2020	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
	-	-	290.985	290.985
	-	-	290.985	290.985

b) Thuế và các khoản phải thu

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI VĨNH BẢO

Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2019	277.917.760.111	166.911.475	278.084.671.586
- Tăng vốn trong năm	10.391.753.000	-	10.391.753.000
- Lãi trong năm	-	181.281.079	181.281.079
- Tăng khác	-	55.556.000	55.556.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(211.356.275)	(211.356.275)
- Giảm khác	(267.300.000)	(11.111.200)	(278.411.200)
31/12/2019	288.042.213.111	181.281.079	288.223.494.190
01/01/2020	288.042.213.111	181.281.079	288.223.494.190
- Tăng vốn trong năm nay	5.047.797.000	-	5.047.797.000
- Lãi trong năm	-	182.498.234	182.498.234
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(181.281.079)	(181.281.079)
- Giảm khác (*)	(219.468.200)	-	(219.468.200)
31/12/2020	292.870.541.911	182.498.234	293.053.040.145

(*) Thanh lý công Bào Am theo Quyết định số 97 ngày 26/10/2020 của Công ty và văn bản số 8389/UBND-TL của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 30/12/2020.

12. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Doanh thu hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích	29.456.287.680	29.842.287.680
- Doanh thu bán nước thô	2.713.216.500	2.465.823.600
- Doanh thu xây lắp	-	663.422.700
Cộng	32.169.504.180	32.971.533.980

13. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Giá vốn bán nước thô và cấp Thủy lợi phí	26.547.086.984	27.945.796.496
Cộng	26.547.086.984	27.945.796.496

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	114.375.403	251.007.407
Cộng	114.375.403	251.007.407

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI VINH BẢO

Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	4.476.695.559	3.355.561.900
- Chi phí đồ dùng văn phòng	261.261.500	290.509.400
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.880.975	20.488.486
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	326.904.800	160.551.568
- Chi phí bằng tiền khác	488.296.916	1.228.788.011
Cộng	5.580.039.750	5.055.899.365

16. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Thu từ thanh lý tài sản cố định (*)	-	108.721.800
- Thu từ thanh lý vật tư	55.454.400	-
- Thu nhập khác	-	13.454.600
Cộng	55.454.400	122.176.400

17. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Chi phí thanh lý tài sản cố định (*)	-	112.084.177
- Chi phí khác	-	4.336.400
Cộng	-	116.420.577

(*) Chi tiêu Thu nhập khác và Chi phí khác trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 thể hiện phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ với giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, số tiền 3.362.377 đồng.

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	212.207.249	226.601.349
Các khoản chi phí không được trừ	-	-
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	212.207.249	226.601.349
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	42.441.450	45.320.270
Giảm thuế TNDN theo Nghị quyết 116/2020/QH14	12.732.435	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.709.015	45.320.270

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ số dư khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.10.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay, lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả; trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Nợ phải trả tài chính	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2020			
Phải trả người bán			
Phải trả khác	374.915	-	374.915
Cộng	374.915	-	374.915
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán			
Phải trả khác	-	-	-
Cộng	-	-	-

Ban Giám đốc Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Theo đó, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI VINH BẢO

Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Tài sản tài chính	Không quá 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.494.764.853	-	5.494.764.853
Phải thu khách hàng và phải thu khác	178.198.680	-	178.198.680
Cộng	5.672.963.533	-	5.672.963.533
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.443.963.679	-	4.443.963.679
Phải thu khách hàng và phải thu khác	736.663.755	-	736.663.755
Cộng	5.180.627.434	-	5.180.627.434

20. THÔNG TIN SO SÁNH

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Vĩnh Bảo đã được kiểm toán.



Lê Minh Tân
Chủ tịch Công ty
Vĩnh Bảo, ngày 19 tháng 03 năm 2021

Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng
Người lập biểu